TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 91/2021/DS– ST
Ngày: 10/12/2021
V/v"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Lệ Siêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Huỳnh Khắc Hiếu

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa***: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 và ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2013/TLST – DS ngày 27 tháng 5 năm 2013 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hồ Thị Thanh S – sinh năm 1964; Địa chỉ: Đường H, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Huỳnh P - sinh năm 1992; Địa chỉ: khu phố L, phường Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị L1 – sinh năm 1970; Địa chỉ: khu phố L, phường Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

- Lê Văn T – sinh năm 1982; địa chỉ: thôn K, xã Hg, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Lê Văn S1 – sinh năm 1967; Địa chỉ: khu phố L, phường Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 18 tháng 12 năm 2012 nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu ông S1, bà L1 trả số tiền nợ theo hợp đồng mua xe trả góp ngày 17/6/2010 là 5.800.000đồng và lãi suất 2%/tháng từ ngày mua xe. Tại văn bản ngày

18/10/2021 bà S sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu ông P, bà L1 trả số tiền 5.800.000đồng gốc và lãi suất 1,125%/tháng từ ngày 17/6/2010 đến khi hết nợ.

Tại biên bản lập ngày 24 tháng 9 năm 2014, bị đơn Huỳnh P trình bày: anh là con của bà L1, năm 2010 anh mượn CMND của ông S1 để mua xe máy tại cửa hàng Thanh S và nợ lại số tiền 5.800.000đ, xe biển số 78U1-5448. Bà L1 là người ký tên vào hợp đồng, anh và ông S1 không ký. Ông S1 không có liên quan đến việc mua bán xe, chỉ mẹ con anh chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi. Hiện tại mẹ con anh có hộ khẩu ở Phước Lý, khi nào Tòa gọi thì anh vào trả cho bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn S1 trình bày: ông với bà L1 không có quan hệ gì, chỉ quen biết do mua bán tôm, khoảng năm 1999 ông cho con bà L1 là Huỳnh P mượn chứng minh nhân dân để mua xe máy ở tiệm Thanh S. Ông không biết việc mua bán xe máy của mẹ con bà L1 và không ký vào hợp đồng mua bán do vậy không liên quan gì đến vụ kiện này, không đồng ý tham gia tố tụng, xin tòa giải quyết vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, ông được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà Hồ Thị Thanh S giữ). Bản thân ông là chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy loại cup 50 (Giấy đăng ký xe biển số 78AF-020.96 và 78AF-02039).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị căn cứ các Điều 305, 361, 428, 431, 432, 438, 439 và 476 BLDS 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc

5.800.000đồng và lãi suất chậm trả trên số tiền nợ gốc, từ ngày 17/6/2010 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại đơn trình bày vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/10/2021, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S yêu cầu tạm hoãn xử, chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T để xử lý hình sự đối với bà L1, anh P và yêu cầu tòa giải quyết vắng mặt từ nay cho đến khi xử có bản án. Xét thấy, bà S không cung cấp chứng cứ về việc CQĐT đã tiếp nhận yêu cầu khởi tố, tố giác tội phạm, CQĐT cũng không có văn bản về việc tiếp nhận và đề nghị Tòa chuyển hồ sơ vụ việc dân sự để xem xét theo đơn thư tố giác của bà S. Do đó, không có lý do để tạm ngưng phiên tòa. Mặc khác, yêu cầu khởi tố hình sự đối với bà L1, anh P của bà S không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 17/6/2010, các đương sự thỏa thuận lựa chọn TAND TP. Tuy Hòa là nơi giải quyết tranh chấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S có yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Công an thành phố Tuy Hòa cung cấp thông tin về chiếc xe bị đơn đã mua của nguyên đơn có biển số 78M1-5448 do ông Lê Văn T đứng tên chủ sở hữu.

Theo các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận ông là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng. Căn cứ Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 17 tháng 6 năm 2010, các bên có thỏa thuận "khi mua xe thì bên mua phải ủy quyền cho nhân viên của bà S đứng tên chủ sở hữu xe, kể từ ngày ký hợp đồng chiếc xe là tài sản sở hữu của bà S, khi nào trả hết nợ cho bà S thì nhân viên ký giấy bán có xác nhận của chính quyền địa phương, bà S hết trách nhiệm về mặt giấy tờ đối với bên mua"; Như vậy, Hội đồng

xét xử nhận thấy đủ căn cứ xác định bị đơn có mua của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S 01 chiếc xe máy có biển số 78M1-5448 (đứng tên Lê Văn T).

[2.2] Về trách nhiệm trả nợ: Theo bản gốc Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 17 tháng 6 năm 2010 và bản gốc giấy cam kết nhận nợ mua xe máy ngày 17 tháng 6 năm 2010 (bà S nộp theo đơn khởi kiện), có nội dung người mua xe là ông Lê Văn S1, người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị L1 thỏa thuận mua bán chiếc xe máy hiệu Suvina, số khung 230550, số máy 230550, còn nợ lại 5.800.000đ thỏa thuận trả góp 725.000đ/tháng trong thời hạn 08 tháng, Tuy nhiên, tại mục bên mua xe của Hợp đồng và giấy cam kết nhận nợ, ông S1 không ký, chỉ có bà L1 ký vào mục người bảo lãnh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày ngày 24 tháng 9 năm 2014, ông S1 trình bày ông không biết việc mua bán xe máy của bà L1, anh P, ông không ký vào hợp đồng mua bán do vậy không liên quan gì đến vụ kiện này. Anh P thừa nhận vào năm 2010 anh và mẹ (là bà L1) có mượn chứng minh nhân dân của ông S1 để đi mua xe máy tại tiệm Thanh S, ông S1 không liên quan đến việc mua bán này, chỉ mẹ anh ký vào hợp đồng mua bán, nay mẹ con anh chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi. Lời trình bày của ông S1 phù hợp với lời trình bày của anh P, phù hợp với hợp đồng trả góp mua xe máy và giấy cam kết nhận nợ mua xe máy ngày 17/6/2010 và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn tại văn bản ngày 18/10/2021.

Như vậy, đủ cơ sở xác định trách nhiệm trả nợ mua chiếc xe máy theo hợp đồng trả góp mua xe máy và giấy cam kết nhận nợ mua xe máy ngày 17/6/2010 là của anh Huỳnh P, người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị L1

[3] Về số tiền gốc và lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số nợ gốc 5.800.000đồng và lãi suất 1,125%/tháng từ ngày 17/6/2010 đến khi hết nợ.

[3.1] Về số tiền gốc: Tại biên bản lấy lời khai ngày ngày 24 tháng 9 năm 2014 anh P thừa nhận năm 2010 mua xe tại tiệm Thanh S còn nợ lại số tiền 5.800.000đ, anh và mẹ anh (bà L1) chịu trách nhiệm trả nợ cho bà S số tiền gốc như trên và tiền lãi; khi nào Tòa án gọi thì anh vào trả nợ cho bà S; Tuy nhiên, qúa trình giải quyết vụ án, Tòa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh P vắng mặt, và không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc trả nợ cho bà S. Do đó, cần buộc bị đơn Huỳnh P phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S nợ gốc 5.800.000đồng (Năm triệu tám trăm ngàn đồng).

[3.2] Về tiền lãi: Nhận thấy, theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 17/6/2010, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2%/tháng. Như vậy, áp dụng các quy định tại các Điều 438, khoản 2 Điều 476 BLDS 2005 thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tính lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 là 150% của mức lãi suất cơ bản (tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Thời gian tính lãi từ ngày nhận nợ là ngày 17 tháng 6 năm 2010 đến ngày xét

xử sơ thẩm ngày 10 tháng 12 năm 2021 là 11 năm 05 tháng 23 ngày x 5.800.000đồng x 13,5%/năm = 8.989.275đồng (Tám triệu chín trăm tám mươi chín ngàn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

[4] Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S là 14.789.275đồng (Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 78M1-5448 thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn T phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm cùng ông Huỳnh P trả số nợ mua xe: Xét thấy tại Hợp đồng trả góp xe gắn máy ngày 17 tháng 6 năm 2010, bà L1 ký tên tại mục người bảo lãnh nên đã phát sinh nghĩa vụ của người bảo lãnh. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh Nguyễn Thị L1 thực hiện nghĩa vụ của mình.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 305, 361, 428, 431, 432, 438, 439 và 476 của Bộ luật Dân sự 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn Huỳnh P phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tiền nợ mua xe máy là 14.789.275đồng (Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc 5.800.000đồng, tiền lãi 8.989.275đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/12/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Trong trường hợp bị đơn Huỳnh P không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm trả hết số nợ hoặc số nợ còn lại thay cho bị đơn Huỳnh P.

Sau khi bị đơn Huỳnh P trả hết nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78M1-5448 thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn T phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn Huỳnh P.

Về án phí: Bị đơn Huỳnh P phải chịu 740.000đồng (Bảy trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 145.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2010/10700 ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Tuy Hòa
-TAND tỉnh Phú Yên
-Các đương sự
-Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Lệ Siêng

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Lệ Siêng

CÁC HTND

Lương Công Hạnh Huỳnh Khắc Hiếu